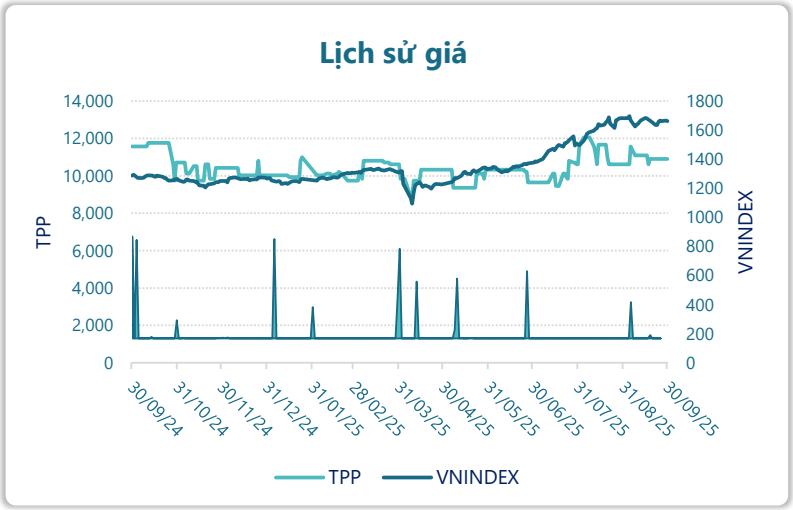
FireAnt

CTCP Tân Phú Việt Nam (HNX: TPP)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,058
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,874
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	338,475
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	509
P/E	5.6
EPS	2,015

DT thuần

Q3/25

738

tỷ VNĐ

QoQ: ▼121| -14.1%

YoY: ▼5.00| -0.7%

LN sau thuế

Q3/25

39.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.9| 59.9%

YoY: ▲ 30.2| 313%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

10.5%

+/- YoY: ▲ 6.9%

DT thuần

9T 2025

2,350

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 89.0| 3.9%

LN sau thuế

9T 2025

70.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 49.1| 225%

ROE

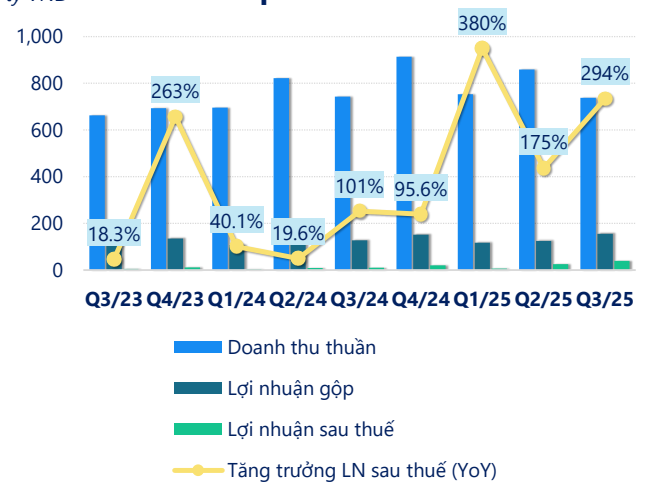
Q3/25

15.6%

+/- YoY: ▲ 9.1%

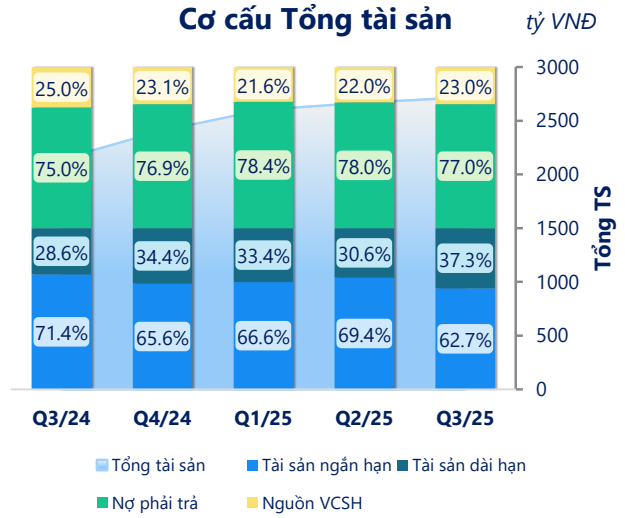
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



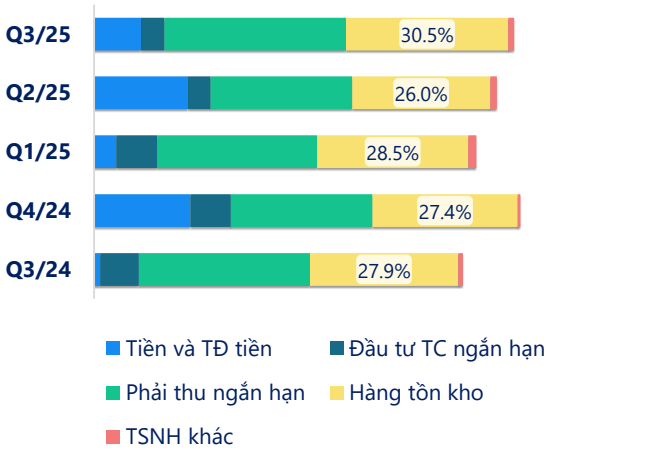
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



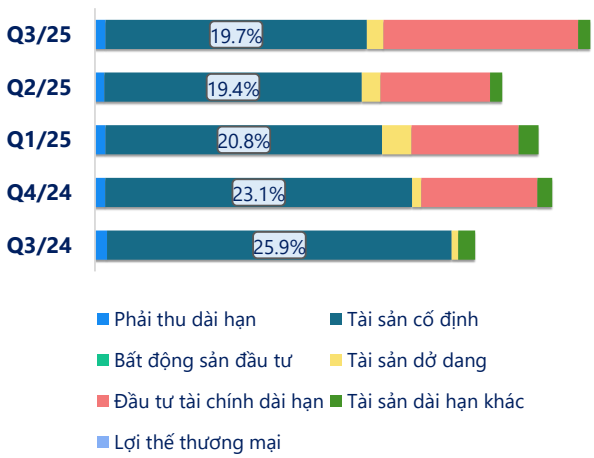
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



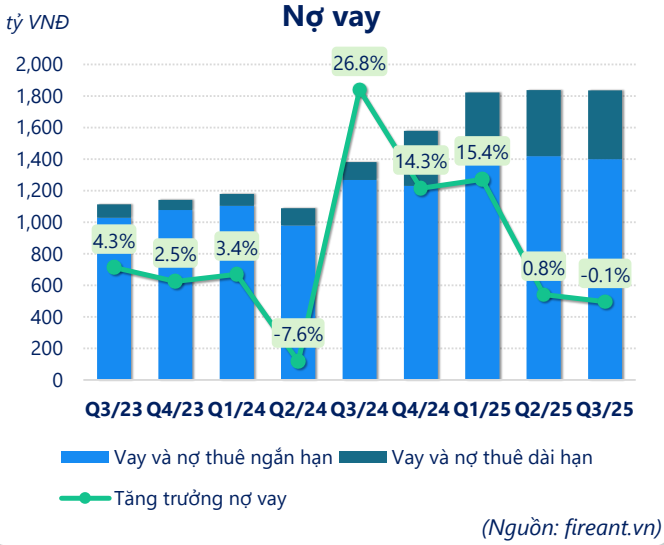
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



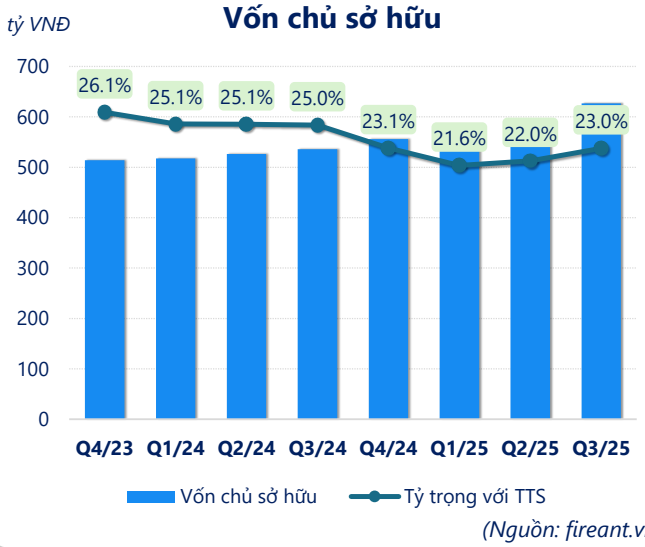
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



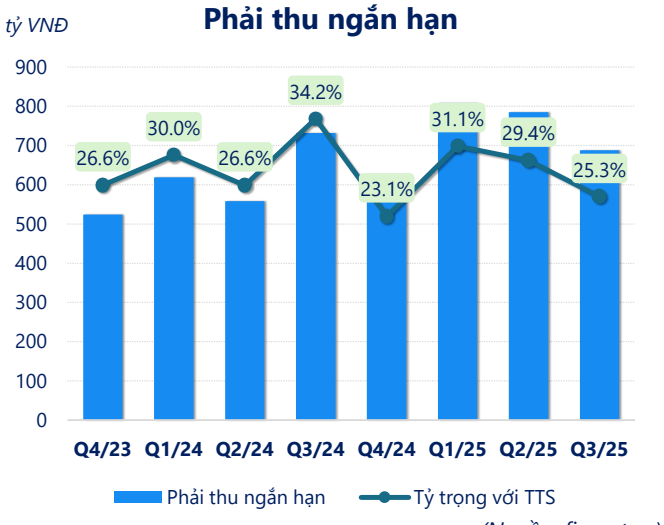
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



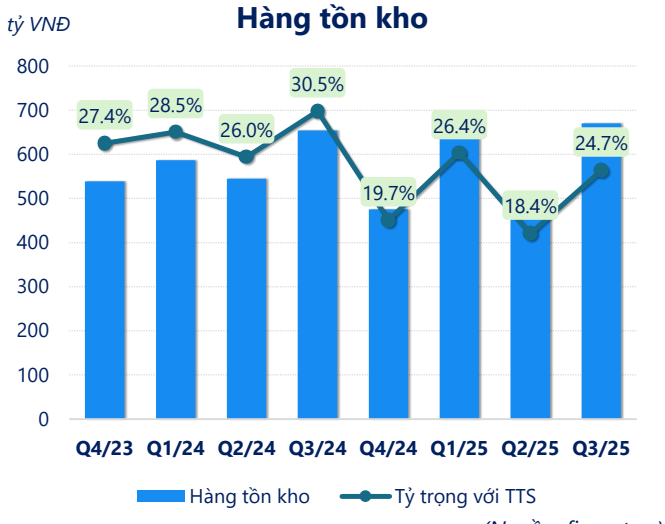
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



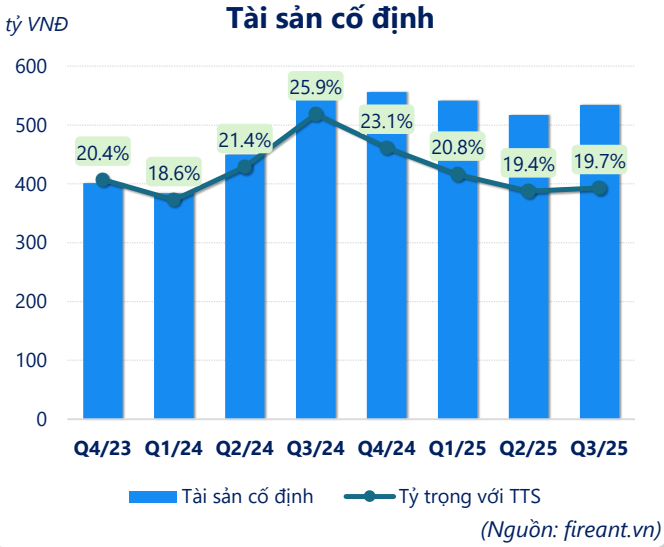
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



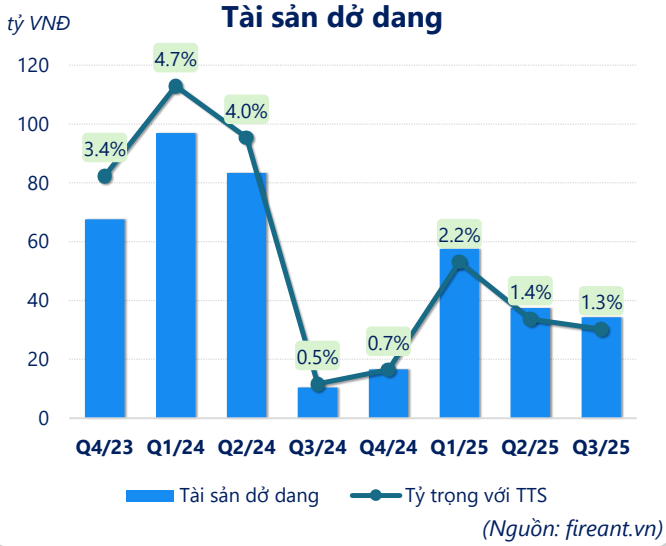
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



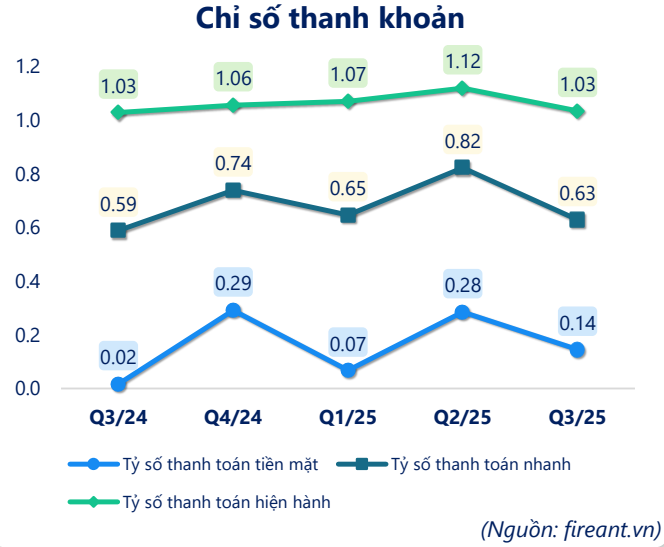
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



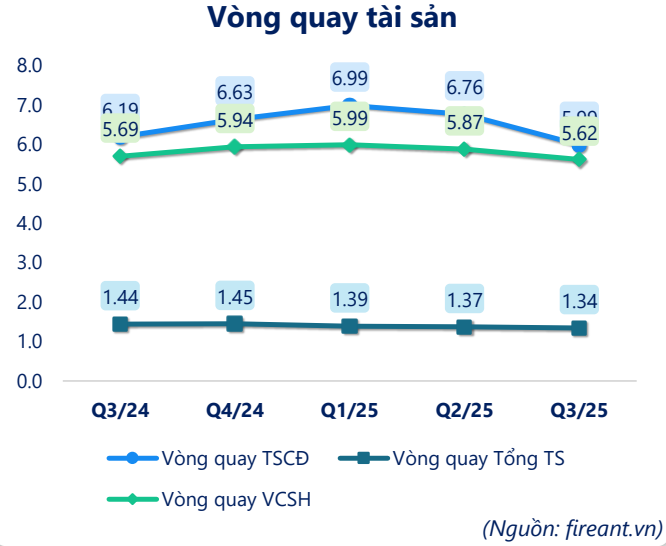
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,142**	**2,408**	**2,603**	**2,668**	**2,718**
Tài sản ngắn hạn	**1,529**	**1,580**	**1,734**	**1,851**	**1,706**
Tiền và tương đương tiền	25.0	436	109	471	239
Đầu tư tài chính ngắn hạn	95.1	99.5	99.6	84.6	83.6
Phải thu ngắn hạn	732	556	808	785	688
Hàng tồn kho	654	475	687	491	670
Tài sản ngắn hạn khác	23.7	13.2	30.8	19.3	25.2
Tài sản dài hạn	**613**	**828**	**868**	**817**	**1,013**
Phải thu dài hạn	19.6	18.9	20.9	18.7	21.5
Tài sản cố định	555	556	541	517	534
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	10.4	16.6	57.6	37.5	34.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	210	210	220	398
Tài sản dài hạn khác	27.6	27.1	38.6	24.3	24.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,606**	**1,853**	**2,041**	**2,082**	**2,092**
Nợ ngắn hạn	**1,487**	**1,496**	**1,621**	**1,654**	**1,648**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,268	1,230	1,411	1,418	1,399
Phải trả người bán ngắn hạn	153	147	137	133	141
Nợ dài hạn	119	357	420	428	444
Vay và nợ thuê dài hạn	113	348	411	419	436
Nguồn vốn chủ sở hữu	**536**	**556**	**562**	**587**	**626**
Vốn chủ sở hữu	**536**	**556**	**562**	**587**	**626**
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)